

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 140/2026/HS-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2026*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sanh**

Ông **Nguyễn Văn Thịnh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lò Khánh Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tường Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam Cẩm Lệ, Công an thành phố Đ, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1028/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Thành P**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 13 tháng 02 năm 1983, tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi thường trú và chỗ ở: TDP Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 048083006734; cấp ngày 07.02.2022; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Trịnh Quang H (sinh năm 1941, chết) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm: 1943). Gia đình có 08 người con, bị cáo là con thứ 07. Vợ là Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1983) và có 01 (một) con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27.3.2010 bị U (cũ) ra Quyết định tập trung vào Trung tâm G để cai nghiện và giáo dục trong thời gian 24 tháng theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND.

- Ngày 07.11.2022 đến ngày 27.11.2025 điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật - Sở Y tế thành phố Đ theo Giấy giới thiệu ngày 06.10.2011 của UBND phường H, quận T, TP Đà Nẵng (cũ).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 05 tháng 02 năm 2026, có mặt tại phiên tòa.

* Tham gia tại điểm cầu trung tâm gồm có: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa.

* Tham gia tại điểm cầu thành phần (Phân trại tạm giam C, Công an Thành phố Đ) gồm có: Bị cáo Trịnh Thành P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thành P là người đang điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo Giấy giới thiệu ngày 06.10.2011 của U, Q. T, TP . (cũ) và được điều trị bằng thuốc Methadone theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Vào tối ngày 23.11.2025 tại khu vực B thành phố Đà Nẵng, Trịnh Thành P gặp và mua ma túy đá với tiền 200.000 đồng của một người đàn ông làm nghề phụ xe rồi đem về nhà vào phòng vệ sinh và bỏ ma túy vào bộ dụng cụ tự chế gồm 01 chai nhựa, 01 vỏ bóng đèn bằng thủy tinh, 01 ống hút nhựa, 01 bật lửa, hơi nóng ma túy trên vỏ bóng đèn thủy tinh để sử dụng một mình, sau đó đem vứt bộ dụng cụ đã sử dụng vào thùng rác gần nhà. Đến ngày 24.11.2025 Trịnh Thành P đến Cơ sở điều trị Methadone số 2 để điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế và được Cơ sở điều trị xét nghiệm nước tiểu, kết quả phát hiện Trịnh Thành P dương tính với chất ma túy MMethamphetamine nên chuyển thông tin cho Công an phường H. Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 24.11.2025 Công an phường H làm việc và tiến hành kiểm tra nước tiểu của Trịnh Thành P thì cho kết quả dương tính với chất ma túy trong cơ thể nên phát hiện Trịnh Thành P đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 28.11.2025 Trung tâm kiểm soát bệnh tật - Sở Y tế Thành phố Đ ra Thông báo số 789/TB-TTKSBT về việc chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone đối với Trịnh Thành P do đã có hành vi vi phạm theo điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 141/NĐ-CP ngày 28.10.2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

Vật chứng thu giữ:

01 (một) chai nhựa dung tích 500ml bên trong có chứa nước tiểu của Trịnh Thành P được niêm phong ký hiệu “TP”.

Tại Kết luận giám định số 1403/KL-KTHS ngày 05.12.2025 của Phòng K Công an Thành phố Đ kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu giữ của Trịnh Thành P ký hiệu “TP” gửi giám định.

Ngoài ra, vào lúc 04 giờ 30 phút ngày 02.02.2026 tại khu vực B thuộc phường A, thành phố Đà Nẵng, Trịnh Thành P đã gặp và mua ma túy đá với giá 300.000 đồng của một người đàn ông làm nghề phụ xe rồi đem ma túy vào nhà vệ sinh của B và bỏ

vào bộ dụng cụ tự chế để sử dụng một mình hết ma túy, sau đó đem vứt bộ dụng cụ đã sử dụng vào thùng rác gần đó.

Vào ngày 05.02.2026 Công an làm việc, tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể (test nhanh) Trịnh Thành P cho kết quả dương tính với chất ma túy nên phát hiện Trịnh Thành P đã tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ nước tiểu để giám định được niêm phong ký hiệu “P”. Tại Kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 10.2.2026 của Phòng K Công an Thành phố Đ kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước ghi thu của Trịnh Thành P được niêm phong ký hiệu “P”.

Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số: 402/BKL-VPCQCSDDT ngày 04.5.2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đề nghị truy tố Trịnh Thành P về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản Cáo trạng số 65/CT-VKSKV1 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trịnh Thành P về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trịnh Thành P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trịnh Thành P và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 256a, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong có mã số PS2 2123571 hoàn trả theo Kết luận giám định số 1403/KL-KTHS của Phòng K Công an Thành phố Đ và 01 (một) bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài được đóng dấu niêm phong, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu của Trịnh Thành P được hoàn trả theo Kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 10.2.2026 của Phòng K Công an Thành phố Đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, đã thực sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại

phiên tòa bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Thành P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trịnh Thành P là người đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy tại Cơ sở điều trị M số 02, Thành phố Đà Nẵng từ ngày 07.11.2011. Tuy nhiên vào ngày 23.11.2025, Trịnh Thành P đã sử dụng trái phép ma túy Methamphetamine. Đến 14 giờ 10 phút ngày 24.11.2025 thì Trịnh Thành P bị Công an P, TP . phát hiện việc sử dụng trái phép ma túy. Do đó, hành vi nêu trên của Trịnh Thành P đã cấu thành tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Trịnh Thành P nhận thức rõ sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì phục vụ lợi ích nhu cầu cá nhân của bản thân nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo Trịnh Thành P mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Thành P có nhân thân xấu thể hiện rõ ở việc đã từng bị U ra quyết định tập trung vào Trung tâm G1 nghề 05-06 để cai nghiện và giáo dục.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Thành P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt với lý do bị cáo hoàn thành nghĩa vụ Quân sự tại Binh chủng pháo binh năm 2003. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ Quân sự tại Binh chủng pháo binh năm 2003 hoặc là phục vụ trong Q hoặc là quân nhân xuất ngũ, tại phiên tòa cũng không thu thập được tài liệu,

chứng cứ nào chứng minh tình tiết này. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Thành P như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về quyết định hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo Trịnh Thành P tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng đồng thời cũng để răn đe, phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong có mã số PS2 2123571 hoàn trả theo Kết luận giám định số 1403/KL-KTHS của Phòng K Công an Thành phố Đ và 01 (một) bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài được đóng dấu niêm phong, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu của Trịnh Thành P được hoàn trả theo Kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 10.2.2026 của Phòng K Công an Thành phố Đ.

[7] Ngoài ra: Đối với những người đàn ông làm nghề phụ xe đã bán trái phép ma túy cho Trịnh Thành P vào ngày 23.11.2025 và ngày 02.02.2026 tại khu vực B thuộc phường A, Thành phố Đà Nẵng nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an T không đề cập xử lý và tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo Trịnh Thành P thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thành P phạm tội "*Sử dụng trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 256a; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thành P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Sử dụng trái phép chất ma túy*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong có mã số PS2 2123571 hoàn trả theo Kết luận giám định số 1403/KL-KTHS của Phòng K Công an Thành phố Đ và 01 (một) bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài được đóng dấu niêm phong, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu của Trịnh Thành P được hoàn trả theo Kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 10.2.2026 của Phòng K Công an Thành phố Đ.

(Các vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ trong giai đoạn xét xử sơ thẩm).

4. Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trịnh Thành P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND KV 1 – Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Phòng HS nghiệp vụ CA TPĐN;
- Phòng THADS KV 1 – TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Anh Đào

